TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HSST
Ngày: 01-6-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH ĐỒNG THÁP

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Thanh Mai.

Các Hội thẩm Nhân dân:

Ông Lê Anh Việt

Ông Lê Văn Phước.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phan Lâm Hoàng Huynh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:

Ông Trịnh Hiếu Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2018/TLST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thành T, sinh năm: 1990, tại huyện B, tỉnh Long An; Cư trú: ấp 4, xã L, huyện B, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: hớt tóc; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; (không rõ họ tên cha); con bà Nguyễn Thị N (chết); Vợ, con: chưa có; Bị cáo có 03 người em cùng mẹ khác cha, cùng ngụ tại ấp 4, xã L, huyện B, tỉnh Long An; Tiền sự: không; Tiền án: 01 lần, ngày 03/2/2016, bị Toà án nhân dân quận B, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo khoản 1, khoản 5 Điều 194 Bộ Luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/7/2017 (chưa xoá án tích); Tạm giam: ngày 29/12/2017, bị cáo hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Đồng Tháp; (có mặt)

- *Người bị hại:* Ông Trần Minh H, sinh năm 1985, cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Thành T và bị hại Trần Minh H là bạn bè, quen biết với nhau. Tháng 10 năm 2017 T đến nhà H chơi và ở lại phụ H hớt tóc. Khoảng thời gian ở nhà H, T thường mượn xe mô tô biển số: 66N8-7351 của H để đi lại. Khoảng 10 giờ ngày 23/10/2017, bạn của H điện thoại rủ uống rượu, H kêu T đi trước, T lấy xe mô tô của H đi đến nhà bạn của H, khoảng 01 giờ sau H đến và cùng uống vài ly rượu, sau đó H nói với T khi nào uống xong về sớm mở tiệm hớt tóc, H đi công việc về sau. Khi H vừa đi thì T cũng lấy xe mô tô của H chạy về, H có thấy T lấy xe chạy về. Khi về đến tiệm hớt tóc của H, T ngủ khoảng 30 phút thì thức dậy. Lúc này, T có ý định đến thành phố Hồ Chí Minh thu dọn quần áo và trả nhà trọ để về nhà H phụ cắt tóc, vì trước khi đến nhà H, T thuê trọ tại thành phố Hồ Chí Minh. T điện thoại cho H, nhưng H để điện thoại ở tiệm nên không liên lạc được. Do không có tiền nên T vào phòng ngủ của vợ chồng H lấy trộm 5.000.000đ trong con heo đất rồi lấy xe mô tô biển số 66N8-7351 của H chạy đến thành phố Hồ Chí Minh. Đến 18 giờ cùng ngày, T đến thành phố Hồ Chí Minh thì thấy cuộc gọi nhỡ của H nên nhắn tin nói với H là cho T mượn xe đi thành phố Hồ Chí Minh thu dọn đồ đạc thì H đồng ý. Đến ngày 24/10/2017, T tiếp tục nhắn tin nói với H cho T mượn xe vài ngày sẽ về. Đến ngày 25/10/2017 sau khi điện thoại cho T không được nên H đến cơ quan Công an trình báo.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Nguyễn Thành T khai sau khi đến thành phố Hồ Chí Minh, T thu dọn quần áo và trả nhà trọ, sau đó điện thoại cho bạn rủ nhậu chia tay vì T định về quê của H lập nghiệp. Do có sử dụng ma tuý nên đến ngày 25/10/2017, số tiền 5.000.000đ lấy trộm của H, T tiêu xài hết, nhưng vẫn còn muốn ở lại thành phố Hồ Chí Minh nên đã đến tiệm cầm đồ "Duy Tạo" thuộc đường Trần Kế Xương, phường 7, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh do Võ Ngọc Duy Tạo làm chủ, cầm xe mô tô của H với giá 5.000.000đ tiếp tục tiêu xài và sử dụng ma tuý.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 126/KLĐG-HĐ ngày 12/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Mio Ultimo biển số 66N8-7351 của Trần Minh H trị giá là 6.000.000đ.

Ngày 25/11/2017, Trần Minh H đã đến tiệm cầm đồ "Duy Tạo" chuộc lại xe mô tô biển số 66N8-7351 với số tiền 5.300.000đ và yêu cầu Nguyễn Thành T bồi thường tổng cộng 10.300.000đ, trong đó tiền bị mất trộm là 5.000.000đ, tiền chuộc lại xe mô tô là 5.300.000đ.

Đối với Võ Ngọc Duy T khi nhận cầm xe của Nguyễn Thành T không biết là tài sản do phạm tội mà có. Do H đã chuộc lại xe, nên ông T không yêu cầu gì đối với số tiền T đã cầm xe.

Tại bản Cáo trạng số: 17/CT-VKS-CT ngày 19/4/2018, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đã truy tố bị cáo Nguyễn Thành T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 175 Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành trình bày lời luận tội, giữ quan điểm như truy tố về tội danh, nêu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 , xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T về tội "Trộm cắp tài sản" mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 , điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Tổng hợp hình phạt, xử phạt bị cáo từ : 12 tháng đến 18 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, buộc Nguyễn Thành T có trách nhiệm trả lại 10.300.000đ cho bị hại Trần Minh H.

Về xử lý vật chứng: không.

- Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi như Bản cáo trạng nêu, bị cáo khai nhận đã lấy trộm 5.000.000đ của ông H và mượn xe mô tô của ông H, sau đó mang xe đi cầm cố là đúng sự thật; bị cáo nhận tội, không trông luận, bị cáo ăn năn hối cải, đồng ý trả lại cho ông H 10.300.000 đồng như ông H yêu cầu và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại ông Trần Minh H xác nhận sự việc, yêu cầu bị cáo bồi thường 10.300.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trông tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại và những tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở xác định: ông H và bị cáo T quen biết nhau và là bạn bè, ông H cho bị cáo ở tại nhà và để bị cáo phụ giúp cắt tóc cùng ông H. Ngày 23/10/2017 bị cáo lợi dụng lúc nhà ông H không có ai, đã lén lấy trộm 5.000.000 đồng; đồng thời ông H cho bị cáo mượn xe mô tô biển số: 66N8-7351 để sử dụng, nhưng sau đó bị cáo đã mang xe đi cầm cố, lấy tiền tiêu xài. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" và "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước ngày Bộ Luật Hình sự năm 2015 có hiệu lực. Tuy nhiên, tội "Trộm cắp tài sản" và "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 có mức hình phạt cao nhất là tù chung thân, còn theo quy định tại Bộ Luật Hình sự 2015 có mức hình phạt cao nhất là 20 năm tù nhẹ hơn, nên áp dụng quy định của Bộ Luật Hình sự năm 2015 là có lợi cho bị cáo. Do đó, đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Châu Thành tại phiên tòa đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 175 Bộ Luật Hình sự năm 2015 truy tố bị cáo là đúng quy định, đúng hướng dẫn tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ Luật Hình sự năm 2015.

[2] Bị cáo sau một thời gian chấp hành hình phạt tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" xong, bị cáo có điều kiện, sức khỏe để lao động có thu nhập hợp pháp nuôi sống bản thân, nhưng bị cáo không cố gắng làm việc, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác; nhưng vẫn cố ý thực hiện; do đó bị cáo H chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội bị cáo gây ra. Phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đúng tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, cần buộc bị cáo cách ly xã hội một thời gian, để bị cáo có thêm điều kiện được giáo dục, cải tạo thành công dân tốt, có ý thức chấp hành pháp luật, tôn trọng tài sản của người khác.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ tránh nhiệm hình sự: Bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự năm

2015 là "thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" và tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo có 01 tiền án, ngày 30/7/2017 chấp hành xong hình phạt tù, nhưng chưa được xóa án tích, bị cáo lại thực hiện hành vi tội phạm. Do đó, bị cáo pH chịu tình tiết tăng nặng là "tái phạm'' được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ Luật Hình sự năm 2015.

[4] Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo Nguyễn Thành T có trách nhiệm trả lại 10.300.000đ cho bị hại Trần Minh H, trong đó số tiền bị mất trộm là 5.000.000đ, tiền chuộc xe mô tô là 5.300.000đ.

[5] Về xử lý tang vật: không.

[6] Bị cáo pH chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 , điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thành T mức án 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/12/2017

Áp dụng: khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thành T mức án 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/12/2017.

Áp dụng: Điều 55 Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thành T mức án 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/12/2017.

- Về xử lý tang vật: không.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Buộc Nguyễn Thành T trả lại 10.300.000 đồng cho bị hại Trần Minh H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Trần Minh H mà bị cáo Nguyễn Thành T chưa thi hành số tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án, cho đến khi thi hành án xong.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ Luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Thành T nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 515.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người đươc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7a,7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo lên Tòa án Nhân dân tỉnh Đồng Tháp./.

Nơi nhận:
- Bị cáo (1);
- Tòa án ND Tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Công an huyện (1);
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh (1);
- VKSND H. Châu Thành + Tỉnh (2);
- Chi cục THADS H. Châu Thành (1);
- Người tham gia tố tụng khác (3);
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án (2).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Lê Thanh Mai